

# VAI TRÒ VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

● VŨ QUỐC QUÝ

## TÓM TẮT:

Công ty cổ phần (CTCP) là loại hình doanh nghiệp (DN) có lịch sử hình thành lâu đời và phát triển rộng khắp trên thế giới, nhưng ở Việt Nam, loại hình DN này hình thành và phát triển khá chậm so với các quốc gia khác mà lý do cơ bản chính là điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cũng như thể chế, hệ thống pháp luật mang tính đặc thù của quốc gia. Bài viết nghiên cứu, tìm hiểu vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động quản trị công ty (QTCT) cổ phần trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam là hoàn toàn cần thiết.

**Từ khóa:** công ty cổ phần, quản trị công ty, kinh tế thị trường, doanh nghiệp.

## 1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, nền kinh tế thị trường (định hướng xã hội chủ nghĩa) đã có những bước tiến mạnh mẽ, trong đó các thành phần kinh tế thuộc các khu vực kinh tế khác nhau cùng tồn tại và phát triển dưới dạng là các DN như: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, DN tư nhân, CTCP... trong đó, CTCP được quy định tại Điều 111 Luật Doanh nghiệp (LDN) năm 2020.

Như vậy, có thể thấy LDN năm 2020 đã định nghĩa rất rõ về CTCP, từ đó cho thấy LDN hiện nay đã có nhiều bước tiến so với pháp luật DN trước đó (LDN năm 1999, 2005, 2014) làm tăng sự phù hợp của các quy định về CTCP trong LDN với các quy định về CTCP của các quốc gia trên thế giới. Tuy vậy, công tác quản trị CTCP ở nước ta vẫn được xem là còn nhiều yếu kém và chưa phù hợp với các thông lệ quốc tế.

Trên thế giới, QTCT thường được hiểu theo nghĩa là QTCT cổ phần, và ở các quốc gia khác nhau thường sẽ có những cách hiểu khác nhau. Điều đó khẳng định không có một định nghĩa duy

nhất nào về QTCT có thể áp dụng cho mọi trường hợp và mọi quốc gia. Những định nghĩa khác nhau về QTCT hiện nay phần lớn phụ thuộc vào cách hiểu và cách nghĩ của các nhà khoa học về quản lý, các học giả, hay sự độc lập về pháp luật của các quốc gia.

Theo nghĩa rộng nhất, QTCT là việc bảo đảm sự cân bằng giữa các mục tiêu kinh tế và xã hội, giữa mục tiêu cá nhân và tập thể. Khung quản trị tồn tại một mặt để khuyến khích việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực, mặt khác đưa ra các yêu cầu về trách nhiệm giải trình trong việc quản lý và kiểm soát các nguồn lực này. Mục tiêu của QTCT là đạt được sự hài hòa tối đa giữa lợi ích của cá nhân, của công ty và của xã hội. Động cơ để các DN và những người sở hữu hay quản lý các DN đó áp dụng các chuẩn mực quản trị quốc tế được công nhận bởi những chuẩn mực này sẽ giúp họ đạt được các mục tiêu và thu hút đầu tư (IFC, 2019). Tuy có nhiều cách hiểu khác nhau về QTCT, nhưng về cơ bản, QTCT có thể được khái quát như sau: “Quản trị công ty là những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty (...). QTCT liên

quan tới một tập hợp các mối quan hệ giữa Ban giám đốc, Hội đồng quản trị, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác. QTCT cũng thiết lập cơ cấu qua đó giúp xây dựng mục tiêu của công ty, xác định các phương tiện để đạt được các mục tiêu đó và giám sát hiệu quả thực hiện mục tiêu. QTCT chỉ được cho là có hiệu quả khi khích lệ được Ban giám đốc và Hội đồng quản trị theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt hơn” [4, tr.6].

Ở Việt Nam, trong khuôn khổ quy định về QTCT, có nhiều tài liệu, Nghị định, Thông tư của Chính phủ, Bộ, ngành có những cách hiểu khác nhau về QTCT, cụ thể: ngày 6/6/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 71/2017/QĐ-CP để hướng dẫn về QTCT áp dụng đối với công ty đại chúng; ngày 13/3/2007 Bộ Tài chính ban hành Quy chế QTCT áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm giao dịch Chứng khoán kèm theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC, trong đó QTCT được hiểu khái quát như sau (điểm a, khoản 1, Điều 2 quy chế): “Quản trị công ty là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty”.

## 2. Vai trò và các nhân tố tác động đến quản trị công ty cổ phần

### 2.1. Vai trò của quản trị công ty cổ phần

QTCT có hiệu quả đóng một vai trò quan trọng ở nhiều cấp độ. Ở cấp độ công ty, những công ty thực hiện tốt việc QTCT thường có khả năng tiếp cận dễ dàng hơn tới các nguồn vốn giá rẻ và thường đạt được hiệu quả hoạt động cao hơn so với các công ty khác. Những công ty kiên trì theo đuổi các tiêu chuẩn cao trong QTCT sẽ giảm thiểu nhiều rủi ro liên quan tới các khoản đầu tư trong công ty. Những công ty tích cực thực hiện các biện pháp QTCT lành mạnh cần có một đội ngũ nhân viên chủ chốt nhiệt tình và có năng lực để xây dựng và thực thi các chính sách QTCT hiệu quả. Nói chung, những công ty thực hiện tốt việc quản trị sẽ đóng góp nhiều hơn cho nền kinh tế quốc dân, cho xã hội và được thể hiện rõ dưới các vai trò sau:

*Thứ nhất, thúc đẩy hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh*

Việc QTCT tốt sẽ mang lại một hệ thống giải trình tốt hơn, giảm thiểu các rủi ro liên quan và các mục đích vụ lợi của cán bộ quản lý. Tinh thần trách nhiệm cao kết hợp với công tác quản trị rủi ro sẽ giúp công ty phát hiện sớm các vấn đề dẫn đến khủng hoảng. Bên cạnh đó, cách thức QTCT tốt sẽ cải thiện và nâng cao công tác ra quyết định, các quyết định sẽ chính xác kịp thời và mạnh tính trách nhiệm cao. Điều này giúp quá trình sản xuất - kinh doanh, điều chỉnh và nâng cao hiệu quả của hoạt động tài chính của DN cũng sẽ được tốt hơn, giảm thiểu chi phí và nhu cầu về vốn. Hơn nữa, việc QTCT tốt thường phải đảm bảo việc phải tuân thủ pháp luật, điều đó dẫn đến các gian lận, xung đột trong nội bộ công ty giảm xuống sẽ làm giảm chi phí phát sinh liên quan đến việc giải quyết các khiếu kiện của các bên liên quan.

*Thứ hai, nâng cao khả năng tiếp cận thị trường vốn*

QTCT hiệu quả thường dựa trên các nguyên tắc về sự minh bạch, kịp thời chính xác thông tin và tuân thủ pháp luật ở trên mọi góc độ. Việc QTCT tốt cho thấy, các DN làm được điều này thường tạo dựng được tình cảm và lòng tin của các cổ đông, nhà đầu tư, đặc biệt là niềm tin về khả năng thành công và sinh lợi lớn mà không xâm phạm đến các quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư. Một xu thế mới hiện nay cho thấy, các cổ đông, nhà đầu tư tương lai khi xem xét đầu tư vốn vào DN thường có xu hướng quan sát cơ cấu quản lý, cách thức và khả năng QTCT. Điều đó cho thấy, QTCT tốt sẽ là một trong những yếu tố để nâng cao khả năng tiếp cận thị trường vốn của DN.

*Thứ ba, nâng cao uy tín của tổ chức*

Trong giai đoạn hiện nay, khi nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang trong giai đoạn phát triển mạnh, độ mở của thị trường đang ở mức rất tốt so với trước đây, các DN thuộc các khu vực kinh tế khác nhau đang cạnh tranh khốc liệt; ngoài các yếu tố về vốn, tài nguyên hay các vấn đề về nhân lực, khoa học công nghệ... thì uy tín của DN là một phần làm nên sự thành công và là yếu tố không thể tách rời của DN. Như vậy, đối với các công ty luôn tôn trọng quyền lợi và lợi ích của các cổ đông, nhà đầu tư hay các chủ nợ, đảm bảo tính

minh bạch về tài chính, dành được niềm tin lớn từ công chúng, đây là hình ảnh công ty, thương hiệu của công ty và cũng là tài sản của công ty. Từ niềm tin, thương hiệu hay hình ảnh đó về công ty, các vấn đề liên quan đến sản phẩm và doanh số sẽ được gia tăng, dẫn đến lợi nhuận cũng sẽ gia tăng.

## **2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị công ty cổ phần**

### **2.2.1. Các yếu tố về pháp luật**

QTCT là một hệ thống các thiết chế, chính sách, luật lệ nhằm định hướng, vận hành và kiểm soát hoạt động của các thành viên nhằm đạt mục tiêu cao nhất cho DN. Tuy mỗi quốc gia trên thế giới đều có hệ thống pháp luật riêng nhưng thông qua hệ thống này, Nhà nước sử dụng các công cụ pháp luật để đưa ra các quy định cũng như điều chỉnh các quan hệ xã hội, trong đó pháp luật về kinh tế.

Pháp luật về kinh tế nói chung hay pháp luật về DN nói riêng là việc điều chỉnh các vấn đề liên quan đến thành lập, hoạt động... và cả vấn đề QTCT trong nội bộ DN

Muốn đạt hiệu quả cao trong công tác QTCT ngoài các vấn đề mang tính chủ quan bên trong của DN thì bên cạnh đó hệ thống pháp luật về DN cần phải được hoàn thiện. Thực tế cho thấy, việc áp dụng và thực thi pháp luật cũng có những ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự thành công hay thất bại của QTCT. Đó là, năng lực hoạt động của các cơ quan nhà nước trong việc giải quyết tranh chấp và bảo vệ quyền lợi của cổ đông và các nhà đầu tư, mà thể hiện rõ nhất có thể kể đến là vai trò của Tòa án, các cơ quan thi hành án. Vì trên thực tế đã xảy ra những vụ việc kiện tụng kéo dài làm tốn kém chi phí mà sự không tuân thủ các phán quyết của Tòa, sự thiếu trách nhiệm của cơ quan thi hành án hay sự chây ì của người thi hành án cũng là một phần của vấn đề.

### **2.2.2. Các yếu tố liên quan đến văn hóa, truyền thống kinh doanh**

Mỗi quốc gia có nền văn hóa và truyền thống về kinh doanh khác nhau sẽ dẫn đến vấn đề QTCT khác nhau. Mặc dù yếu tố văn hóa hay truyền thống kinh doanh không được xem là vấn đề mang tính chất quyết định nhưng không thể bỏ qua các tác động của yếu tố này đến QTCT.

Việt Nam là quốc gia đi lên từ một nền kinh tế nông nghiệp khá lạc hậu cho nên yếu tố lịch sử này

đã tác động sâu đến tư tưởng kinh doanh của mọi người, do đó các mô hình QTCT hiện đại trên thế giới khó “thâm nhập” vào môi trường kinh doanh và làm thay đổi cách QTCT ở quốc gia này cho đến khi (ít nhất) là cũng sau thời kỳ đổi mới (1986) thì tư tưởng này mới được khai thông. Trong khi đó, Trung Quốc là một quốc gia có dân số đông nhưng đại đa số người dân kinh doanh thường mang tính nhỏ lẻ, các hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ phát triển mạnh và có tính lịch sử dài lâu cũng ảnh hưởng ít nhiều đến tư duy về QTCT.

### **2.2.3. Các yếu tố liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế**

Việt Nam chính thức tiến hành công cuộc “đổi mới” kinh tế và trên mọi lĩnh vực sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) trong đó chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, hội nhập kinh tế sâu, rộng để phát triển kinh tế, nâng cao vị thế quốc gia là một trong những mục tiêu quan trọng.

Để đạt được các mục tiêu đó, Việt Nam đã gặp rất nhiều thách thức và rào cản đòi hỏi phải vượt qua, mà nhiệm vụ quan trọng bậc nhất chính là xây dựng hệ thống pháp luật, nền tảng pháp luật phù hợp với các thông lệ quốc tế khi gia nhập vào sân chơi chung (AFTA, ASEAN, WTO,...), nhưng vẫn đảm bảo đúng định hướng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đã đề ra.

Về nguyên tắc, các quốc gia hội nhập kinh tế quốc tế phải mở cửa tất cả các thị trường cam kết, đồng thời xây dựng hành lang pháp lý theo chuẩn mực quốc tế, hay tham gia các Công ước quốc tế về kinh doanh, mua bán, các quy chế về xuất nhập khẩu,... nhằm thu hút đầu tư, và cả khung pháp lý về QTCT cho DN phù hợp với các nguyên tắc QTCT trên thế giới. Điều đó cho thấy, hội nhập kinh tế quốc tế cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến QTCT.

## **3. Kết luận**

Quản trị CTCP là yếu tố quan trọng quyết định sự thành bại của tất cả các DN, đây là hoạt động quan trọng và phổ biến trong QTCT trên thế giới, trong đó có QTCT cổ phần. Bài nghiên cứu cho thấy, sự tồn tại của hoạt động QTCT là một tất yếu khách quan trong các hoạt động của cộng đồng DN, đặc biệt là QTCT cổ phần trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Các phân tích về cơ sở lý thuyết

của tác giả đã thể hiện rõ mục tiêu và ý nghĩa bài viết là tìm ra vai trò của QTCT và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động QTCT, từ đó đi tìm phương án QTCT tốt nhất, nhằm mang lại nhiều lợi thế cho

loại hình DN là CTCP, nâng cao uy tín DN, giảm thiểu các rủi ro trong kinh doanh và các xung đột nội bộ cũng như tạo điều kiện và niềm tin cho cổ đông và các nhà đầu tư ■

### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chính phủ (2017). *Nghị định số 71/2017/NĐ-CP Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng, ban hành ngày 6/6/2017*, Hà Nội.
2. Hoàng Văn Hải, Đinh Văn Toàn (2020). *Quản trị công ty*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. International Finance Corporation (2019). *Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Organization for Economic Cooperation and Development (2010). *Cẩm nang quản trị công ty*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Quốc hội (2005, 2014). *Luật Doanh nghiệp*. NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
6. Quốc hội (2020). *Luật Doanh nghiệp*. NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 4/6/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 27/6/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 19/7/2022

Thông tin tác giả:

**VŨ QUỐC QUÝ**

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

## THE ROLE AND THE FACTORS AFFECTING THE CORPORATE GOVERNANCE OF VIETNAMESE JOINT STOCK COMPANIES IN THE CONTEXT OF THE COUNTRY'S MARKET ECONOMY

● VU QUOC QUY

Ho Chi Minh City University of Natural Resources and Environment

### ABSTRACT:

Joint stock company is a type of enterprise that has a long history of development around the world. However, in Vietnam, this type of enterprise is formed and developed quite slowly compared to other types of enterprise due to development conditions, historical circumstances, and specific institutions and legal system of Vietnam. This paper examines the role and the factors affecting the corporate governance of Vietnamese joint stock companies in the context of the country's market economy.

**Keywords:** joint stock company, corporate governance, market economy, enterprise.